

Bản án số: 10/2020/KDTM-ST
Ngày 28-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Mỹ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-KDTM ngày 31/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (viết tắt SHB); địa chỉ trụ sở chính: Số 77 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công Vinh và ông Nguyễn Hồng Sơn – Chuyên viên Xử lý nợ SHB Chi nhánh Hải Phòng, (ông Sơn có mặt, ông Vinh vắng mặt). (Văn bản ủy quyền số 226 ngày 22/8/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng SHB).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Kiên (viết tắt là Công ty Trung Kiên); địa chỉ trụ sở: C, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Xuân N - Giám đốc; ĐKKHKT: thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Ông Trần Văn T, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Ông Trần Văn D, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Bà Trần Thị Y, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Bà Trần Thị R(tên gọi khác Trần Thị Y), sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Bà Trần Thị L, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Bà Trần Thị H, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Tháng 9/2012 Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank), sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (viết tắt là SHB sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Ngày 30/3/2010 Habubank có ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1002HP004/HĐTD-TDH/2010 và các phụ lục hợp đồng với Công ty TNHH Trung Kiên (gọi tắt là Công ty Trung Kiên), cụ thể:

- Số tiền cho vay: 3.200.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 72 tháng (từ 31/3/2010 – 31/3/2016);
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua tàu;
- Lãi suất theo từng thời kỳ, có điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần;
- Phương thức trả gốc/lãi: Trả gốc cuối kỳ; trả lãi 23 tháng;
- Khoản vay trên được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp tài sản là:

Tài sản 1: Tàu Thịnh Hưng 36, số hồ hiệu/IMO: 3WER/8843135, trọng tải: 2425.3 tấn, chủ sở hữu: Công ty TNHH Trung Kiên, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3128-VT do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 27/5/2010 theo Hợp đồng thế chấp số 1641.NQH/2010.HĐTCTS, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2010. Phụ lục Hợp đồng số công chứng 3662.CVN/2010.PLHĐ, quyền số 02-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2010 tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và đăng ký thế chấp ngày 04/6/2010 tại cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng (nay là Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng).

Tài sản 2: Giá trị quyền sử dụng 377m² đất thuộc thửa đất số 759, tờ bản đồ số 01 tại xóm H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0873996, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00228.QSDĐ/HP-TN-AL-Q1 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/01/1995 cho bà Bùi Thị Thoong, theo hợp đồng thế chấp số 1642.NQH/2010.HĐTC, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2010 tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 31/3/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện T).

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Trung Kiên số tiền 3.200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 1002HP004-1 ngày 31/3/2010. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty Trung Kiên không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngay từ kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 26/4/2010. Tính đến ngày 14/01/2019 Công ty Trung Kiên còn nợ là 3.012.231.518 đồng; trong đó nợ gốc là 941.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.110.483.820 đồng, nợ lãi quá hạn là 960.247.698 đồng.

Tính đến ngày 28/9/2020 (có bảng tính toán chi tiết do nguyên đơn cung cấp kèm theo), Công ty Trung Kiên đã trả được:

Tiền nợ gốc: 2.258.500.000đ;

Tiền nợ lãi trong hạn: 641.462.200đ;

Lãi phạt: 16.981.800đ;

Và còn nợ là 3.411.051.168 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 941.500.000 đồng;
- Lãi trong hạn là 771.734.648 đồng
- Lãi quá hạn là 779.345.026 đồng
- Lãi phạt là 918.471.494 đồng

Tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Ngân hàng rút yêu cầu về lãi phạt chậm trả lãi.

- Đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi 16.981.800đ mà Ngân hàng đã thu của công ty Trung Kiên: Ngân hàng đề nghị được trừ vào phần lãi quá hạn.

- Buộc Công ty Trung Kiên phải trả ngay cho Ngân hàng SHB toàn bộ số nợ tạm tính đến hết ngày 28/9/2020 là: nợ gốc là 941.500.000 đồng, lãi trong hạn là 771.734.648 đồng, lãi quá hạn là 779.345.026 đồng. Tổng cộng: 2.492.579.674 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2020 của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi công ty Trung Kiên thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp công ty Trung Kiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án thì Ngân hàng SHB được đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, cưỡng chế và phát mại các tài sản bảo đảm dưới đây để xử lý thu hồi nợ:

Tài sản 1: Quyền sử dụng 377m² đất tại thửa đất số 759, tờ bản đồ số 01 tại xóm H, xã A, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Giấy CNQSDĐ số D0873996, vào sổ cấp GCN số 00228.QSDĐ/HP-TN-AL-Q1 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/01/1995 cho bà Bùi Thị Thoong.

Tài sản 2: Tàu Thịnh Hưng 36, số hồ hiệu/IMO: 3WER/8843135, trọng tải: 2425.3 tấn, chủ sở hữu: Công ty TNHH Trung Kiên, Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3128-VT do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 27/5/2010, trong trường hợp Ngân hàng biết rõ tàu Thịnh Hưng 36 ở đâu. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của Công ty Trung Kiên là ông Trịnh Xuân N – Giám đốc công ty vắng mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ nơi ở hiện nay, Ngân hàng cũng không có thông tin tàu Thịnh Hưng 36 ở đâu? Tình trạng con tàu như thế nào?

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Công ty Trung Kiên phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho SHB.

Bị đơn - Công ty TNHH Trung Kiên trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có quan điểm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm:

Cụ Trần Văn Toàn và cụ Bùi Thị Thoong là vợ chồng, hai cụ có bảy người con chung: Ông Trần Văn T sinh năm 1960, ông Trần Văn T sinh năm 1965, ông Trần Văn D sinh năm 1967, bà Trần Thị Y sinh năm 1970, bà Trần Thị Yên sinh năm 1973, bà Trần Thị L sinh năm 1976, bà Trần Thị H sinh năm 1979. Hai cụ không có con nuôi, con riêng. Năm 2010, Công ty Trung Kiên có ký hợp đồng tín

dụng vay vốn với SHB để thanh toán tiền mua tàu Thịnh Hưng 36. Số tiền vay là 3.200.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay Công ty có thể chấp tàu Thịnh Hưng 36 và cụ Thoong, cụ Toàn có thể chấp quyền sử dụng đất tại số thửa 759, tờ bản đồ số 01, diện tích 377m², tại thôn H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D0873996, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228 QSDĐ/HP-TN-AL-a1 do UBND huyện T cấp ngày 03/01/1995 cho chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị Thoong. Năm 2017, cụ Toàn cụ Thoong cùng chết và không để lại di chúc.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty Trung Kiên đã trả được gần 03 tỷ đồng bao gồm nợ gốc và nợ lãi. Số tiền nợ còn lại là bao nhiêu mọi người không nắm rõ. Nay SHB khởi kiện yêu cầu Công ty Trung Kiên phải trả hết số nợ còn lại. Trong trường hợp không trả được nợ thì SHB đề nghị phát mại tài sản thế chấp trong đó có tài sản của cụ Thoong cụ Toàn. Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đề nghị được nộp 240.000.000 đồng vào SHB để xin SHB trả Giấy chứng nhận QSDĐ số D0873996, vào sổ cấp GCN số 00228.QSDĐ/HP-TN-AL-Q1 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/01/1995 cho bà Bùi Thị Thoong.

Theo hợp đồng thế chấp thì cụ Toàn cụ Thoong chỉ thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản trên đất là nhà cấp 4 gỗ lim, mái ngói cửa gỗ và một nhà cấp 4 là của hai cụ xây lúc còn sống.

Ngoài ra chị Trần Thị H còn trình bày:

Chị còn là con dâu của ông Trịnh Xuân N - Giám đốc công ty TNHH Trung Kiên, chị không nắm được hoạt động của Công ty cũng như các thành viên vốn góp nhưng Công ty Trung Kiên như thế nào, chị chỉ biết hiện nay Công ty Trung Kiên không còn hoạt động nữa, trụ sở Công ty đã bán cho người khác. Bố mẹ chồng của chị hiện nay không ở Việt Nam mà ở bên Mỹ, chị không biết địa chỉ cụ thể của bố mẹ chồng chị đang ở. Tuy nhiên bố mẹ chồng chị vẫn thường xuyên liên lạc về. Số tiền nợ gốc, nợ lãi mà công ty TNHH Trung Kiên đã trả như Ngân hàng đưa ra, chị xác nhận là chính xác. Bởi lẽ số tiền đó có lần chính chị cùng ông N, cụ Toàn đi trả Ngân hàng.

Đối với tàu Thịnh Hưng 36 thì theo chị Hường được biết con tàu đã bán sắt vụn và đã lấy số tiền bán tàu trả nợ vào Ngân hàng từ năm 2011.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ bản đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ

của mình. Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, vi phạm nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB);

1. Buộc Công ty TNHH Trung Kiên phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/9/2020 là 2.492.647.714 đồng, trong đó;

- Nợ gốc là: 941.500.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn là: 771.734.648 đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 779.413.066 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ.

3. Đình chỉ giải quyết với phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt chậm trả mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị được trừ số tiền lãi phạt đã thu vào lãi quá hạn mà phải được trừ vào nợ gốc.

5. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH Trung Kiên về việc kiện đòi nợ liên quan đến hợp đồng tín dụng. Đây là vụ án có tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại huyện T nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Ngày 08/4/2019 Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý vụ án.

Theo công văn số 8610/QLXNC-P5 ngày 29/5/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an theo đó Cục quản lý xuất nhập cảnh cho biết hiện nay ông Trịnh Xuân N là người đại diện theo pháp luật của bị đơn và ông Trần Văn D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã xuất cảnh hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Ngày 26/6/2019, Tòa án nhân dân huyện T đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa

án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên ngày 17/7/2019 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Để đảm bảo khoản vay của Công ty Trung Kiên, cụ Thoong cụ Toàn có thể chấp quyền sử dụng đất tại số thửa 759, tờ bản đồ số 01, diện tích 377m², tại thôn H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D0873996, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228 QSDĐ/HP-TN-AL-A1 do UBND huyện T cấp ngày 03/10/1995 cho chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị Thoong. Năm 2017, cụ Toàn cụ Thoong chết và không để lại di chúc. Hai cụ có bảy người con là ông Trần Văn T sinh năm 1960, ông Trần Văn T sinh năm 1965, ông Trần Văn D sinh năm 1967, bà Trần Thị Y sinh năm 1970, bà Trần Thị Yên sinh năm 1973, bà Trần Thị L sinh năm 1976, bà Trần Thị H sinh năm 1979 và không có con nuôi, con riêng. Theo Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định những người này là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với bà Vũ Thị Tuyên, sinh năm 1960, anh Trần Văn Cường, sinh năm 1984, anh Trần Văn Kiên, sinh năm 1987 (vợ là Lê Thị Hà), anh Trần Văn Quyết, sinh năm 1990, cùng địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét thấy những người này không liên quan trong vụ án nên không đưa vào với tư cách là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ tới các đương sự theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các đương sự là bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

- Về nội dung:

Ngày 07/8/2012 Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội được sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Quyết định số 1559/QĐ-NHNN ngày 07/8/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội nên các quyền và nghĩa vụ dân sự của Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội được chuyển giao cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 1002HP004/HĐTD-TDH/2010 ngày 30/03/2010 ký giữa Ngân hàng với công ty TNHH Trung Kiên;

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông Trịnh Xuân N - Chủ tịch Hội đồng thành viên và là giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện việc ký

kết hợp đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty Trung Kiên có 05 thành viên gồm: Ông Trịnh Xuân N - Giám đốc Công ty; bà Trần Thị Lân, ông Trần Văn Miến, ông Vũ Văn Khoát, ông Trịnh Hải Linh, ông Nguyễn Trọng Thỏa đều là thành viên góp vốn. Hiện nay ông Nin và bà Lân đang ở nước ngoài. Ông Linh không có mặt tại địa phương. Ông Thỏa không có mặt tại địa chỉ như trong giấy đăng ký kinh doanh. Ông Miến, ông Khoát, có quan điểm: Công ty Trung Kiên được thành lập khoảng năm 1993, 1994; ngay sau khi thành lập thì hai ông có được ông Nin mời vào Công ty làm việc và làm được hai năm thì nghỉ. Công việc chính của các ông là làm những việc vặt, Công ty Trung Kiên hoạt động như thế nào hai ông không nắm được. Hai ông không góp vốn vào Công ty và cũng không ký vào Quyết định bổ nhiệm Giám đốc, biên bản ủy quyền của Hội đồng thành viên. Điều này được chứng minh bằng Kết luận giám định số 12/KLGD-PC09 ngày 14/02/2020 của Phòng Kỹ thuật Công an thành phố Hải Phòng. Như vậy, theo Điều 146 Bộ luật Dân sự năm 2005 việc ông Nin ký kết Hợp đồng tín dụng nêu trên là vượt quá phạm vi đại diện. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng Công ty Trung Kiên đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đã thanh toán được được 2.258.500.000đ nợ gốc sau đó nhiều lần Công ty Trung Kiên – đại diện là ông Trịnh Xuân N có văn bản khất nợ với Ngân hàng. Theo thông tin của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng cung cấp: Công ty Trung Kiên hiện vẫn đang hoạt động, hiện chưa có bất kỳ tài liệu nào thông báo về việc tạm ngừng hoạt động hay giải thể của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Vậy nên xác định chủ thể tham gia ký kết hợp đồng của các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, đủ thẩm quyền ký, hình thức, nội dung cũng như mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 17 của Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN; các điều 122, 123, 124 BLDS năm 2005, nên xác định Hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng thực hiện đúng nghĩa vụ, đã giải ngân cho Công ty Trung Kiên tổng số 3.200.000.000 đồng. Số tiền này được thể hiện trên giấy nhận nợ ngày 31/3/2010 Công ty Trung Kiên đã ký. Kể từ ngày 24/8/2014 đến nay, Công ty Trung Kiên không trả được nợ nên SHB khởi kiện công ty Trung Kiên là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu trả nợ gốc, lãi:

Xét thấy, việc Ngân hàng tính toán khoản tiền nợ gốc, lãi suất vay trong hạn, quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 342, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 6; Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Điều 91, Điều 95, Điều

98 của Luật các tổ chức tín dụng Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn, thời gian tính lãi) của SHB là có căn cứ chấp nhận và Công ty Trung Kiên phải trả cho SHB số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 28/9/2020 là: nợ gốc là 941.500.000 đồng, lãi trong hạn là 771.734.648 đồng, lãi quá hạn là 779.345.026 đồng. Tổng cộng: 2.492.647.714/**2.492.579.674** đồng (có bảng tính toán chi tiết kèm theo).

[6] Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của SHB tại phiên tòa về lãi phạt chậm trả lãi là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[7] Đối với số tiền lãi phạt 16.981.800 đồng mà Ngân hàng đã thu của công ty Trung Kiên, Ngân hàng đề nghị được trừ vào phần lãi quá hạn. Xét thấy yêu cầu này là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận. Số tiền này cần phải được trừ vào khoản nợ gốc mà Công ty phải trả cho Ngân hàng, cụ thể: 941.500.000 đồng - 16.981.800 đồng.

[8] Yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

[8.1] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1642.NQH/2010.HĐTC, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 31/3/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T) theo đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005 và điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 183/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số công chứng 1641.NQH/2010.HĐTC, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và Phụ lục hợp đồng số công chứng 3662-CVN/2010.PLHĐ, quyền số 02-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và được cấp Giấy đăng ký thế chấp tàu biển số 87/ĐKTC-2010.HP ngày 04/6/2010 do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp đối với Tàu Thịnh Hưng 36, số hồ hiệu/IMO: 3WER/8843135, trọng tải: 2425.3 tấn, chủ sở hữu: Công ty TNHH Trung Kiên, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3128-VT do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 27/5/2010 theo đúng

quy định tại Điều 37, khoản 7 Điều 38, Điều 39 Bộ luật Hàng hải Việt Nam. Do vậy hợp đồng thế chấp này là hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Phụ lục hợp đồng nêu trên có hiệu lực đối với các bên, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết. Đến hạn trả nợ Công ty TNHH Trung Kiên không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8.2] Đối với một khoản vay 3.200.000.000 đồng được hai người bảo lãnh bằng hai Hợp đồng thế chấp nêu trên. Nội dung của hai hợp đồng thế chấp đều thể hiện việc bảo lãnh cho cả khoản vay 3.200.000.000 đồng. Do vậy Công ty TNHH Trung Kiên không trả được nợ thì cả hai tài sản thế chấp đều phải phát mại để thu hồi nợ, theo Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2005; cụ thể:

- Tài sản 1: Khi ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1642.NQH/2010.HĐTC, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 31/3/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T), vợ chồng cụ Trần Văn Toàn và Bùi Thị Thoong chỉ thế chấp giá trị quyền sử dụng 377m² đất, thuộc thửa đất số 759; tờ bản đồ số 01; tại địa chỉ: Xóm H, xã A, huyện T, Hải Phòng là 414.000.000 đồng tại thời điểm thế chấp; không thế chấp tài sản trên đất.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 26/6/2019 của Phòng tài chính - Kế hoạch huyện T kết luận:

- Giá trị Quyền sử dụng đất: Trao đổi trên thị trường tại thôn H, xã A, huyện T (đất trong xóm) tại thời điểm năm 2019 là 377,0 m² x 2.000.000 đồng/m² = 754.000.000 đồng; Giá trị tài sản trên đất: 01 ngôi nhà cấp 4, gỗ lim, mái ngói, cửa gỗ là 780.000.000 đồng; 01 lán tôn lạnh trước nhà: 21.200.000 đồng; 01 sân lát gạch đỏ: 6.500.000 đồng; 01 nhà cấp 4 mái bằng: 390.700.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 16/6/2020 của Phòng tài chính - Kế hoạch huyện T kết luận:

- Giá trị Quyền sử dụng đất: trao đổi trên thị trường tại thôn H, xã A, huyện T (đất trong xóm) tại thời điểm năm 2020 là 377,0 m² x 4.000.000 đồng/m² = 1.508.000.000đồng; Về giá trị tài sản trên đất: (giá vẫn giữ nguyên).

Do vậy khi xử lý tài sản thế chấp: cần phải phát mại toàn bộ tài sản là giá trị Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ được thu 414.000.000đồng bằng với số tiền định giá tài sản thế chấp tại thời điểm thế chấp.

Số tiền còn lại Ngân hàng phải hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con của cụ Toàn cụ Thoong);

Tài sản 2: Tàu Thịnh Hưng 36, số hồ hiệu/IMO: 3WER/8843135, trọng tải: 2425.3 tấn, chủ sở hữu: Công ty TNHH Trung Kiên, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3128-VT do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 27/5/2010;

Xét thấy, trong quá trình tố tụng SHB không cung cấp được thông tin về việc tàu Thịnh Hưng đang ở đâu, hiện trạng như thế nào? Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng có quan điểm: ... **đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, cưỡng chế và phát mại Tàu Thịnh Hưng 36, số hồ hiệu/IMO: 3WER/8843135, trọng tải: 2425.3 tấn, chủ sở hữu: Công ty TNHH Trung Kiên, Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3128-VT do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 27/5/2010, trong trường hợp Ngân hàng biết rõ tàu Thịnh Hưng 36 ở đâu? Để xử lý thu hồi nợ.**

Chị Trần Thị H (con dâu ông Nin) cho biết: tàu Thịnh Hưng 36 đã bán sắt vụn được 02 tỷ và nộp trả Ngân hàng vào khoản nợ gốc hiện tàu không còn và không thuộc sở hữu của Công ty Trung Kiên nữa nhưng chị Hường không cung cấp được tài liệu chứng minh tàu Thịnh Hưng 36 đã bán sắt vụn, không còn tồn tại.

Theo công văn số 977/CV-CATN ngày 27/3/2020 của Công an huyện T cho biết: "... căn cứ tài liệu thu thập được cho đến nay, Công an huyện T chưa xác định được: Có hành vi giả mạo chữ ký trong việc vay vốn của công ty Trung Kiên, hành vi tẩu tán tài sản là tàu Thịnh Hưng 36 hay không". Mặt khác, theo nội dung các công văn số 1439/CHHVN-PC ngày 27/4/2020 của Cục Hàng hải Việt Nam cho biết: "... Hiện nay, tàu Thịnh Hưng 36 không làm thủ tục vào, rời khu vực cảng biển do các cảng vụ hàng hải quản lý"; Theo công văn số 720/ĐKVN-TB ngày 09/3/2020 của Cục Đăng kiểm Việt Nam cho biết: "...tàu được kiểm tra lần cuối ngày 28/10/2010 do Chi cục Đăng kiểm số 15 tại Quảng Ninh thực hiện, Tàu được cấp các giấy chứng nhận: Phân cấp, Mạn khô...có hạn hiệu lực đến ngày 13/11/2015; Giấy chứng nhận khả năng đi biển có hạn hiệu lực đến ngày 13/02/2012. Kể từ ngày 13/02/2012, tàu không thực hiện bất kỳ đợt kiểm tra nào, do đó tàu đã bị Cục Đăng kiểm Việt Nam rút cấp mạn tàu"; Theo công văn số 957/CĐTNĐ -PCTTr ngày 01/6/2020 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cho biết: "... từ ngày 01/01/2020 đến ngày 26/5/2020 trong khu vực các cảng, bến thủy nội địa không có tàu Thịnh Hưng 36 hoạt động vào, rời tại các cảng, bến do các cảng vụ ĐTNĐ khu vực được giao quản lý". Như vậy là không có căn cứ xác định tàu Thịnh Hưng 36 không còn tồn tại.

Mặt khác, theo công văn số 360/CCHP ngày 16/10/2018 của Chi cục Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng xác nhận "... Hiện nay tàu Thịnh Hưng 36 đang thế

chấp 01 lần tại Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội – Chi nhánh Hải Phòng (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Hải Phòng), đã được đăng ký vào sổ đăng ký tàu biển Quốc gia tại Chi cục, cụ thể: Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp đã được cấp số 87/ĐKTC-2010.HP, cấp ngày 04/06/2010”.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên; cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, vẫn xử lý tài sản là tàu Thịnh Hưng 36 để thu hồi nợ trong trường hợp Ngân hàng biết rõ tàu Thịnh Hưng 36 ở đâu.

[9] Về án phí: nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bị đơn còn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 173, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Áp dụng các điều 122, 123, 124, 146, 342, 343, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 37, khoản 7 Điều 38, Điều 39 Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 183/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 17 của Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 6; Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Kiên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 28/9/2020 của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1002HP004/HĐTD-TDH/2010 ngày 30/03/2010 là: Nợ gốc là 924.518.200 đồng, lãi trong hạn là 771.734.648 đồng, lãi quá hạn là 779.345.026 đồng. Tổng cộng: 2.475.597.874 đồng (hai tỷ bốn trăm bảy mươi năm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi tư đồng).

Kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Trường hợp bị đơn không trả được số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền: Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cụ thể;

- Phát mại toàn bộ tài sản là giá trị Quyền sử dụng 377m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 759, tờ bản đồ số 01 tại xóm H, xã A, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Giấy CNQSDĐ số D0873996, vào sổ cấp GCN số 00228.QSDĐ/HP-TN-AL-Q1 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/01/1995 cho bà Bùi Thị Thoong; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1642.NQH/2010.HĐTC, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 31/3/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T) để thu 414.000.000 đồng (bốn trăm mười bốn triệu đồng). Số tiền còn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội phải hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con của cụ Toàn cụ Thoong: Ông Trần Văn T sinh năm 1960, ông Trần Văn T sinh năm 1965, ông Trần Văn D sinh năm 1967, bà Trần Thị Y sinh năm 1970, bà Trần Thị Yên sinh năm 1973, bà Trần Thị L sinh năm 1976, bà Trần Thị H sinh năm 1979).

- Phát mại tàu Thịnh Hưng 36, số hồ hiệu/IMO: 3WER/8843135, trọng tải: 2425.3 tấn, chủ sở hữu: Công ty TNHH Trung Kiên, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3128-VT do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 27/5/2010; theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình

thành từ vốn vay số công chứng 1641.NQH/2010.HĐTC, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và Phụ lục hợp đồng số công chứng 3662-CVN/2010.PLHĐ, quyền số 02-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng trong trường hợp Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội biết rõ tàu Thịnh Hưng 36 ở đâu, để thu hồi nợ.

Nếu tài sản bảo đảm tàu Thịnh Hưng 36 không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn thì bị đơn phải có nghĩa vụ phải thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho nguyên đơn. Nếu tài sản bảo đảm tàu Thịnh Hưng 36 thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn thì nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho bị đơn.

- Về án phí: Công ty TNHH Trung Kiên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 81.511.957 đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là 849.090 đồng (tám trăm bốn mươi chín nghìn không trăm chín mươi đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội đã nộp 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000517 ngày 08/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội số tiền 53.150.910 đồng (năm mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm mười đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà